

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 585/2025/HC-PT
Ngày 14 – 5 – 2025
V/v: “Khiếu kiện quyết định hành chính”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Long

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Tuyết Trinh

Ông Mai Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Duy Minh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 1208/2024/TLPT-HC ngày 06 tháng 12 năm 2024 việc “Khiếu kiện quyết định hành chính”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 380/2024/HC-ST ngày 19 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 526/2025/QĐPT-HC ngày 28 tháng 03 năm 2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Công ty TNHH T2.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị L;

Địa chỉ: số A N, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trương Thụy Văn T, sinh năm 1983;

Địa chỉ: số A N, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Người bị kiện:

1. Cục trưởng Cục Kiểm định hải quan (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chi cục trưởng Chi cục Kiểm định hải quan - theo các Quyết định số 382/QĐ-BTC ngày 26/2/2025 và Quyết định số 958/QĐ-BTC ngày 05/3/2025 của Bộ T3). Trụ sở: 162 N, quận L, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quốc Đ, chức vụ: Phó Chi cục trưởng Chi cục Kiểm định Hải quan (có đơn xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

1.1. Bà Phạm Thúy H – Trưởng phòng Tham mưu xử lý (có mặt).

1.2. Bà Bùi Phương D – Chuyên viên phòng Tham mưu xử lý (có mặt).

2. Chi cục trưởng Chi cục Kiểm định hải quan 3 (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Đội trưởng Đội Kiểm định Hải quan 3 - theo các Quyết định số 382/QĐ-BTC ngày 26/2/2025 và Quyết định số 958/QĐ-BTC ngày 05/3/2025 của Bộ T3). Trụ sở: G N, Phường C, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thanh P, chức vụ: Đội trưởng Đội Kiểm định Hải quan C1 (có mặt).

- **Người kháng cáo:** Công ty TNHH T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện ngày 08/02/2023 và các lời khai tiếp theo tại biên bản đối thoại, người khởi kiện Công ty TNHH T2 có đại diện theo ủy quyền là bà Trương Thụy Văn T trình bày:*

Liên quan đến Lô hàng nhập khẩu của Công ty TNHH T2, theo tờ khai số 104403139630 ngày 08/12/2021, Chi Cục Hải quan C2 Khu vực 1 là đơn vị yêu cầu cắt mẫu và C3 là đơn vị thực hiện giám định hàng hoá và ban hành thông báo kết quả Phân tích phân loại hàng hóa số 137/TB-KĐ3 ngày 23/3/2022 và 138/TB-KĐ3 ngày 23/3/2022. Nhưng không gửi chính thức kết quả này cho công ty V1 và chỉ gửi bản chụp kết quả này qua điện thoại của Nhân viên Công ty T2.

Theo thông báo số 137/TB-KĐ3 ngày 23/3/2022 và 138/TB-KĐ3, thì kết quả mã số hàng hoá nhập khẩu của lô hàng có tờ khai số 104403139630 ngày 08/12/2021 là: 5603.92.00 và Công ty phải chịu thuế nhập khẩu là: 5% (có chứng nhận xuất xứ) do công ty không đồng ý với kết quả này, nên đã thực hiện quyền tái giám định theo quy định tại khoản 5 Điều 11 của Thông tư số 17/2021/TT-BTC và Điều 30 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP. Theo kết quả giám định lại số 22C02GHN00736-01 và 22C02GHN00736-02 ngày 30/5/2022 của Chi nhánh Công ty cổ phần T4 thì mã số hàng hoá nhập khẩu của lô hàng có tờ khai số 104403139630 ngày 08/12/2021 là: Theo chứng nhận xuất xứ mẫu Form E của Hiệp định thương mại giữa Khối ASEAN – CHINA, đạt tiêu chí xuất xứ hưởng ưu đãi thuế suất thuế nhập khẩu là 0%.

Trong thời gian chờ kết quả giám định lại, C3 ban hành Văn bản số 418/KĐ3-Đ2 ngày 23/5/2022, xác định đã hết thời hạn 30 ngày để nộp kết quả giám định lại và đơn phương công nhận thông báo kết quả Phân tích phân loại hàng hóa số 137/TB-KĐ3 ngày 23/3/2022 và 138/TB-KĐ3 ngày 23/3/2022 do C3 ban hành.

Sau khi có kết quả giám định lại, Công ty TNHH T2 đã thực hiện nộp cho C3, đề nghị huỷ bỏ văn bản số 418/KĐ3-Đ2 ngày 23/5/2022 và công nhận kết quả giám định này để Công ty TNHH T2 được công nhận mã số hàng hoá nhập khẩu là : 56031xx và hưởng mức thuế nhập khẩu là 0%. Tuy nhiên, C3, cho rằng Công ty thực hiện nộp kết quả giám định lại cho C3 chậm sau 30 ngày và ban hành Quyết định số 02/QĐ-KĐ3 ngày 12/10/2023 với nội dung không chấp nhận đề nghị của Công ty TNHH T2 và giữ nguyên Thông báo kết quả Phân tích phân loại hàng hóa số 137/TB-KĐ3 ngày 23/3/2022 và 138/TB-KĐ3 ngày 23/3/2022 của C3.

Không đồng ý với Quyết định số 02/QĐ-KĐ3 ngày 12/10/2023 của C3, công ty khiếu nại lần 02 đến Cục Kiểm định Hải quan, đề nghị huỷ bỏ Quyết định số 02/QĐ-KĐ3 ngày 12/10/2023 của C3 và đề nghị công nhận kết quả giám định lại số 22C02GHN00736-01 và 22C02GHN00736-02 ngày 30/5/2022 của Chi nhánh Công ty cổ phần T4. Tuy nhiên, Cục Kiểm định Hải quan không đồng ý và ban hành Quyết định số 16/QĐ-KĐHQ ngày 19/01/2023, bác đơn toàn bộ nội dung khiếu nại của Công ty TNHH T2 và giữ nguyên nội dung giải quyết khiếu nại lần đầu tại Quyết định số 02/QĐ-KĐ3 ngày 12/10/2022 của C3.

Việc Cục Kiểm định Hải quan ban hành Quyết định số 16/QĐ-KĐHQ ngày 19/01/2023 không chấp nhận khiếu nại của Công ty TNHH T2 thật sự là không khách quan, việc giải quyết khiếu nại không đúng với bản chất của vụ việc, đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của Công ty TNHH T2.

Công ty TNHH T2 khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh huỷ Quyết định số 16/QĐ-KĐHQ ngày 19/01/2023 của Cục Trưởng Cục K và Quyết định số 02/QĐ-KĐ3 ngày 12/10/2022 của Chi Cục Trưởng C3.

** Người bị kiện Cục trưởng Cục Kiểm định Hải quan có ý kiến trình bày tại Văn bản số 408/KĐHQ-TMXL ngày 23/7/2024:*

Công ty TNHH T2 thực hiện thủ tục nhập khẩu 02 mặt hàng có tên khai báo “*Vải không dệt từ filament nhân tạo...*”, mã số khai báo 5603.12.00 (thuế suất 0%) theo Tờ khai hải quan số 104403139630/A11 ngày 08/12/2021 tại Chi Cục Hải quan C2 Khu vực 1 – Cục Hải quan Thành phố H.

Ngày 16/12/2021, Chi cục Kiểm định Hải quan C3 – Cục Kiểm định Hải quan tiếp nhận yêu cầu phân tích của Chi Cục Hải quan C2 Khu vực 1. Ngày 23/3/2022, Chi cục Kiểm định Hải quan 3 ban hành Thông báo kết quả phân tích kèm mã số hàng hoá số 137/TB-KĐ3 và 138/TB-KĐ3 cho 02 mặt hàng này, kết luận phân tích phân loại mặt hàng cụ thể như sau:

+ Thông báo số 137/TB-KĐ3: *Sản phẩm không dệt có thành phần từ xơ staple polyester, đã ngâm tẩm cacbon (hàm lượng cacbon hoạt tính theo tài liệu kỹ thuật 36,8%), chưa tráng phủ hoặc ép lớp với vật liệu khác, trọng lượng 58,6g/m², khổ khoảng 17cm. Mã số phân loại: 5603.92.00 (thuế suất 5%).*

+ Thông báo số 138/TB-KĐ3: *Sản phẩm không dệt có thành phần từ xơ staple polyester, đã ngâm tẩm cacbon (hàm lượng cacbon hoạt tính theo tài liệu kỹ thuật 28,5%), chưa tráng phủ hoặc ép lớp với vật liệu khác, trọng lượng 38,36g/m², khổ khoảng 17cm. Mã số phân loại: 5603.92.00 (thuế suất 5%).*

Công ty TNHH T2 không đồng ý với 02 Thông báo kết quả phân tích phân loại nêu trên của Chi cục Kiểm định Hải quan C3. Ngày 19/4/2022, Chi cục Kiểm định Hải quan C3 đã thực hiện tách mẫu để Công ty TNHH T2 thực hiện giám định theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ: “*Trường hợp không nhất trí với kết luận kiểm tra của cơ quan HQ về tên hàng, mã số, xuất xứ, trọng lượng, chủng loại, chất lượng, trị giá hải quan thì người khai hải quan thực hiện khiếu nại hoặc được lựa chọn cơ quan, tổ chức giám định để thực hiện việc giám định hàng hóa theo quy định của pháp luật...*”.

Tại buổi tách mẫu, Chi cục Kiểm định Hải quan 3 đã lập biên bản tách mẫu số 10/KĐ3-NV, trong đó có nội dung: *trong thời hạn 30 ngày tính từ ngày tách mẫu lưu mà Công ty không nộp kết quả tái giám định, cơ quan hải quan sử dụng TBKQPL hoặc TBKQPT kèm mã số hàng hóa đã ban hành để thực hiện các thủ tục tiếp theo.* Các bên đã thống nhất ký vào biên bản tách mẫu.

Ngày 16/5/2022, Công ty TNHH T2 có Công văn số 08-2022/VNTK gửi Chi cục Kiểm định Hải quan 3 đề nghị cho gia hạn thời gian nộp kết quả giám định đến ngày 10/6/2022 (thay vì ngày 19/5/2022 theo quy định). Ngày 17/5/2022, Chi cục Kiểm định Hải quan C3 có Công văn số 400/KĐ3-Đ2 trả lời không có căn cứ chấp nhận việc đề nghị gia hạn thời gian nộp kết quả tái giám định. Đến ngày 23/5/2022, Chi cục Kiểm định Hải quan 3 có Công văn số 418/KĐ3-Đ2 thông báo cho Công ty về việc đã hết thời hạn nộp kết quả tái giám định theo quy định (quá 30 ngày kể từ ngày 19/4/2022) nhưng Công ty TNHH T2 vẫn chưa nộp, cơ quan Hải quan sẽ sử dụng Thông báo số 137/TB-KĐ3 và 138/TB-KĐ3 để thực hiện các thủ tục tiếp theo.

Ngày 31/5/2022, Chi cục Kiểm định Hải quan 3 nhận được kết quả giám định số 22C02GHN00736-01 và 22C02GHN00736-02 của T4 gửi kèm theo Công văn số 09-2022/VNTK ngày 30/5/2022 do Công ty TNHH T2 cung cấp, trong đó Công ty đưa ra lý do chậm nộp kết quả so với kế hoạch là 30 ngày theo Biên bản tách mẫu là do theo thông tin từ Công ty giám định là Chi nhánh Công ty cổ phần T4, nhân viên phòng LAB có vấn đề sức khỏe cá nhân.

Ngày 10/6/2022, Chi cục Kiểm định Hải quan C3 có Công văn số 494/KĐ3-Đ2 trả lời Công ty TNHH T2 về việc lý do “nhân viên phòng Lab có vấn đề sức khỏe cá nhân” là không phù hợp và không có cơ sở chấp nhận.

Ngày 15/6/2022, Công ty TNHH T2 có Đơn khiếu nại lần đầu số 16-2022/KN-VNTK gửi Chi cục Kiểm định Hải quan 3, trong đó đề nghị Chi cục Kiểm định Hải quan 3 thu hồi hủy bỏ Công văn số 418/KĐ3-Đ2 ngày 23/5/2022 của Chi cục Kiểm định Hải quan 3 và xem xét công nhận kết quả giám định số 22C02GHN00736-01 và 22C02GHN00736-02 ngày 30/5/2022 của Chi nhánh Công ty cổ phần T4.

Chi cục Kiểm định Hải quan 3 đã thực hiện giải quyết khiếu nại lần đầu và ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 02/QĐ-KĐ3 ngày 12/10/2022 với kết luận: (1) Giữ nguyên Thông báo về kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu số 137/TB-KĐ3, số 138/TB-KĐ3 ngày 23/3/2022 của Chi cục Kiểm định Hải quan 3. (2) Không chấp thuận đề nghị của Công ty về việc thu hồi, hủy bỏ công văn số 418/KĐ3-Đ2 ngày 23/5/2022 và đề nghị về việc công nhận kết quả tái giám định số 22C02GHN00736-01 và 22C02GHN00736-02 ngày 30/5/2022 của Chi nhánh Công ty cổ phần T4.

Đến ngày 08/11/2022, Công ty TNHH T2 tiếp tục gửi Đơn khiếu nại lần hai số 24-2022/KN-VNTK đến Cục Kiểm định Hải quan, trong đó đề nghị thu hồi hủy bỏ đối với Quyết định số 02/QĐ-KĐ3 ngày 12/10/2022 của Chi cục Kiểm định Hải quan C3 và xem xét công nhận kết quả giám định số 22C02GHN00736-01 và 22C02GHN00736-02 ngày 30/5/2022 của Chi nhánh Công ty cổ phần T4.

Ngày 28/11/2022, Cục K đã gửi Thông báo thụ lý giải quyết khiếu nại lần hai số 718/TB-KĐHQ.

Ngày 19/01/2023, Cục K đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 16/QĐ-KĐHQ với kết luận: Giữ nguyên nội dung giải quyết khiếu nại lần đầu tại Quyết định số 02/QĐ-KĐ3 ngày 12/10/2022 của Chi cục Kiểm định Hải quan C3.

** Về căn cứ pháp lý:* Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11 tháng 11 năm 2011; Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/6/2014.

** Về thẩm quyền giải quyết:* Điều 22 Luật Khiếu nại quy định thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan thuộc bộ, thuộc cơ quan ngang bộ, thuộc cơ quan thuộc Chính phủ: *Thủ trưởng cơ quan thuộc bộ, thuộc cơ quan ngang bộ, thuộc cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi chung là Thủ trưởng cơ quan thuộc bộ) có thẩm quyền giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình, của cán bộ, công chức do mình quản lý trực tiếp.*

Khoản 1 Điều 11 Quy chế Phối hợp tiếp nhận, giải quyết khiếu nại tại cơ quan Hải quan ban hành kèm theo Quyết định số 1788/QĐ-TCHQ ngày 21/6/2021 của T5 quy định trách nhiệm trong giải quyết khiếu nại về Thông báo kết quả phân loại, Thông báo kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa thuộc phạm vi quản lý của cơ quan Hải quan:

“1. Trách nhiệm của Cục trưởng Cục Kiểm định Hải quan.

...

b) Giải quyết khiếu nại lần hai các quyết định hành chính do Chi cục trưởng Chi cục Kiểm định hải quan ban hành trong phạm vi quản lý của T5.”

Căn cứ Quyết định số 133/QĐ-KĐHQ ngày 29/4/2022 của Cục trưởng Cục Kiểm định Hải quan về việc phân công nhiệm vụ của Lãnh đạo Cục Kiểm định Hải quan, ngày 01/11/2022, Cục trưởng Cục Kiểm định Hải quan đã ban hành Quyết định số 321/QĐ-KĐHQ về việc ủy quyền cho đồng chí Trần Quốc Đ – Phó Cục trưởng Cục K thực hiện trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai thuộc thẩm quyền của Cục trưởng Cục Kiểm định Hải quan. Như vậy, Ông Trần Quốc Đ là người giải quyết khiếu nại lần hai theo đúng thẩm quyền quy định.

** Về trình tự, thủ tục giải quyết:*

Ngày 22/11/2022, Cục Kiểm định Hải quan nhận được Đơn khiếu nại số 24-2022/KN-VNTK của Công ty TNHH T2.

Ngày 28/11/2022, Cục Kiểm định Hải quan ban hành Thông báo thụ lý giải quyết khiếu nại lần hai số 718/TB-KĐHQ. Cục Kiểm định Hải quan thụ lý giải quyết khiếu nại trong thời hạn 10 ngày theo đúng quy định tại Điều 36 Luật Khiếu nại.

Ngày 02/12/2022, Cục Kiểm định Hải quan ban hành Quyết định số 342/QĐ-KĐHQ về việc xác minh nội dung khiếu nại và thành lập tổ xác minh. Tổ xác minh đã xác minh để xem xét các nội dung: Trình tự, thủ tục thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu và nội dung Quyết định số 02/QĐ-KĐ3 ngày 12/10/2022 của Chi cục Kiểm định Hải quan 3 đã đúng quy định chưa? Các nội dung mà Doanh nghiệp khiếu nại.

Về trình tự, thủ tục thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu: Chi cục Kiểm định Hải quan 3 đã thực hiện đúng thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu theo Luật Khiếu nại và Quyết định số 1788/QĐ-TCHQ ngày 21/6/2021 của T5 về việc ban

hành Quy chế phối hợp tiếp nhận, phân loại giải quyết khiếu nại tại cơ quan Hải quan. Trình tự thủ tục ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu đảm bảo thời gian đúng quy định.

Về việc ban hành Thông báo kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu số 137/TB-KĐ3, số 138/TB-KĐ3 ngày 23/3/2022:

Căn cứ Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ T3 hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Thông tư số 17/2021/TT-BTC ngày 26/2/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ T3; Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27/6/2017 của Bộ T3 về ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam; Thông tư số 09/2019/TT-BTC ngày 15/02/2019 của Bộ T3 về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại các Phụ lục của Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27/6/2017.

Như vậy, Chi cục Kiểm định Hải quan 3 đã tiếp nhận, phân tích phân loại và ban hành Thông báo về kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu số 137/TB-KĐ3, số 138/TB-KĐ3 ngày 23/3/2022 đúng quy định; kết quả phân tích phân loại đã phù hợp với bản chất mặt hàng.

Lý do chậm nộp Kết quả giám định mà Công ty đưa ra gồm:

+ Lần 1: Tại Công văn số 08-2022/VNTK ngày 16/5/2022 xin gia hạn thời gian giám định đến ngày 10/6/2022, lý do Công ty đưa ra: theo yêu cầu của Chi cục Kiểm định Hải quan 3 cần xác định cấu trúc xơ là sợi filament hay staple. Do trong quá trình kiểm tra cấu trúc của xơ vải: *cần mất thêm thời gian để xác định tính chính xác cấu trúc sợi.*

+ Lần 2: Tại Công văn số 09-2022/VNTK ngày 30/5/2022, Công ty nộp kết quả giám định với lý do chậm muộn: *theo thông tin từ phòng Công ty G, nhân viên phòng LAB có vấn đề sức khỏe cá nhân.*

Ngày 04/01/2023, Cục Kiểm định Hải quan đã làm việc với đơn vị giám định T4 để xác minh lý do Công ty đưa ra. Kết quả xác minh: Trong khoảng thời gian kể từ ngày T4 tiếp nhận mẫu giám định của Công ty TNHH T2 đến khi ban hành chứng thư giám định, nhân viên phòng Lab không có vấn đề về sức khỏe như nội dung mà Công ty đã nêu. Tại thời điểm đó, phòng Lab của Công ty giám định vẫn hoạt động và nhân viên phòng Lab vẫn đi làm bình thường (kèm theo Biên bản họp với T4).

Mặt khác, Cục Kiểm định Hải quan cũng xác minh thêm: thời điểm tháng 4, 5/2022, tại Thành phố Hải Phòng cũng không phải thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 03/3/2020 của Chính phủ để phòng chống dịch Covid – 19.

Kiểm chứng lại kết quả phân tích: Để thẩm định lại tính chính xác của kết quả phân tích (do Chi cục Kiểm định Hải quan 3 thực hiện) và kết quả giám định lại của Công ty (do T4 thực hiện), Cục Kiểm định Hải quan đã gửi mẫu giám định tại Viện Dệt may. Kết quả giám định tại V2 cũng giống với kết quả phân tích của Chi cục Kiểm định Hải quan C3.

Ngày 17/01/2023, Cục Kiểm định Hải quan đã tổ chức cuộc họp đối thoại gồm Công ty, Cục Kiểm định Hải quan, Chi cục Kiểm định Hải quan 3. Trong buổi đối thoại, Cục Kiểm định Hải quan cũng đã thông báo cho Công ty biết kết quả xác minh tại T4 và kết quả giám định tại Viện D. Công ty TNHH T2 nhận sai vì đã nộp chậm kết quả giám định so với quy định, tuy nhiên Công ty cũng không cung cấp thêm thông tin gì.

Căn cứ mục b.2, điểm 2, khoản 19 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ trưởng Bộ T3 sửa đổi khoản 2 Điều 30 Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ T3 quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu: “...*Trong thời hạn 30 ngày tính từ ngày tách mẫu lưu, người khai hải quan phải gửi kết quả giám định cho cơ quan hải quan để được xem xét. Hết thời hạn quy định này mà người khai hải quan chưa nộp kết quả giám định, cơ quan hải quan sử dụng thông báo kết quả phân loại hoặc thông báo kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa đã ban hành để thực hiện các thủ tục tiếp theo...*”.

Công ty TNHH T2 có Công văn số 08-2022/VNTK ngày 16/5/2022 xin gia hạn thời gian giám định đến ngày 10/6/2022, lý do Công ty đưa ra: *Do trong quá trình kiểm tra cấu trúc của xơ vải cần mất thêm thời gian để xác định tính chính xác cấu trúc sợi.*

Sau khi nhận được Công văn của Công ty TNHH T2, ngày 17/5/2022, Chi cục Kiểm định Hải quan C3 có Công văn số 400/KĐ3-Đ2 trả lời: căn cứ quy định tại khoản 19 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ T3, thời hạn gửi kết quả giám định là 30 ngày, do đó không có căn cứ chấp nhận đề nghị gia hạn nộp kết quả giám định của Công ty TNHH T2.

Như vậy, Thông tư 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ T3 đã quy định rõ thời hạn 30 ngày Doanh nghiệp phải nộp kết quả giám định, không có quy định về gia hạn thời gian nộp kết quả giám định. Hết thời hạn quy định mà người khai hải quan chưa nộp kết quả giám định, cơ quan hải quan sử dụng thông báo kết quả phân loại hoặc thông báo kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa đã ban hành để thực hiện các thủ tục tiếp theo.

Mặt khác, tại Biên bản tách mẫu cũng đã hướng dẫn rõ 30 ngày Công ty TNHH T2 phải nộp kết quả giám định (Công ty TNHH T2 đã ký nhận và nắm rõ được quy định này), cơ quan Hải quan cũng đã trả lời văn bản đề nghị gia hạn của Công ty là không có cơ sở pháp lý chấp nhận việc gia hạn. Do đó, Công ty đã nắm rõ quy định ngay từ lúc tách mẫu. Thời hạn 30 ngày tính từ lúc tách mẫu không bị ảnh hưởng từ phía cơ quan Hải quan. Do vậy, Chi cục Kiểm định Hải quan C3 đã áp dụng Thông báo số 137/TB-KĐ3 và 138/TB-KĐ3 đúng quy định.

Căn cứ kết quả xác minh, kết quả đối thoại, Cục K đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 16/QĐ-KĐHQ ngày 19/01/2023 là đúng quy định của Luật Khiếu nại.

Căn cứ các ý kiến nêu trên, Cục Kiểm định Hải quan đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bác yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T2.

** Người bị kiện Chi cục Trưởng Chi cục Kiểm định Hải quan C3 có ý kiến trình bày tại Văn bản số 758/KĐ3-Đ2 ngày 24/7/2024:*

1. Về công tác ban hành Thông báo về kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu:

Các công tác từ lấy mẫu, lập hồ sơ yêu cầu phân tích để phân loại đến ban hành Thông báo về kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đã được thực hiện theo đúng quy định tại Quy trình phân tích để phân loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ban hành kèm theo Quyết định số 2166/QĐ-TCHQ ngày 04/08/2021 của Tổng Cục trưởng T5 (sau đây gọi tắt là Quy trình 2166).

Trong đó, bản giấy Thông báo kết quả số 137/TB-KĐ3 và 138/TB-KĐ3 ngày 23/03/2022 được Chi cục Kiểm định Hải quan 3 gửi tới Chi Cục Hải quan C2 Khu vực 1 do Chi cục Kiểm định Hải quan 3 tiếp nhận mẫu theo Phiếu yêu cầu phân tích số 179/KV1-ĐHHN và 180/KV1-ĐHHN ngày 15/12/2021 của Chi Cục Hải quan C2 Khu vực 1 (quy định tại tiết c.3.1 khoản 1 Điều 10 Quy trình 2166).

2. Về vấn đề giám định trong giải quyết vướng mắc của Công ty TNHH T2.

Công tác tách mẫu tái giám định giải quyết vướng mắc được thực hiện theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định 08/20125/NĐ-CP, khoản 3 Điều 10 Thông tư 14/2015/TT-BTC, khoản 19 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Điều 30 Thông tư 38/2015/TT-BTC, Điều 14 Quy trình 2166. Cụ thể quá trình như sau:

- Ngày 13/04/2022, Chi cục Kiểm định Hải quan C3 nhận được Công văn số 06-2022 VNTK ngày 12/04/2022 của Công ty về việc không đồng ý với kết quả tại hai Thông báo số 137/TB-KĐ3 và 138/TB-KĐ3 ngày 23/03/2022 và đề nghị tách mẫu để tái giám định.

- Ngày 14/04/2022, Chi cục Kiểm định Hải quan C3 phát hành Công văn số 288/KĐ3-Đ2 ngày 14/04/2022 mời đại diện Chi Cục Hải quan C2 Khu vực 1 và Công ty đến trụ sở Chi cục Kiểm định Hải quan C3 để thực hiện tách mẫu theo quy định.

- Ngày 19/04/2022, Chi cục Kiểm định Hải quan C3 nhận được Công văn số 1950/KV1-ĐHHN của Chi Cục Hải quan C2 Khu vực 1 về việc không thể tham dự tách mẫu. Cùng ngày, Chi cục Kiểm định Hải quan C3 và Công ty tiến hành tách mẫu và bàn giao mẫu để Công ty gửi giám định theo quy định (Biên bản tách mẫu lưu và bàn giao mẫu số 10/KĐ3-NV ngày 19/04/2022).

- Ngày 17/05/2022, Chi cục Kiểm định Hải quan 3 nhận được Công văn số 08-2022/VNTK ngày 16/05/2022 của Công ty TNHH T2 về việc đề nghị cho gia hạn thời gian trả kết quả giám định đến ngày 10/06/2022 thay vì ngày 19/05/2022 như Biên bản tách mẫu số 10/KĐ3-NV. Cùng ngày, Chi cục Kiểm định Hải quan C3 phát hành công văn số 400/KĐ3-Đ2 phúc đáp công văn số 08-2022/VNTK của Công ty về việc khoản 19 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC (sửa đổi, bổ sung Thông tư 38/2015/TT-BTC) đã quy định về thời hạn cung cấp kết quả giám định cũng như bước xử lý tiếp theo của cơ quan hải quan, do đó không có căn cứ chấp nhận việc đề nghị gia hạn thời hạn nộp kết quả tái giám định của Công ty TNHH T2.

- Ngày 23/05/2022, Chi cục Kiểm định Hải quan C3 phát hành Công văn số 418/KĐ3-Đ2 về việc thông báo cho Công ty TNHH T2 và Chi Cục Hải quan C2 Khu vực 1 về việc đã hết thời hạn nộp kết quả tái giám định nhưng công ty vẫn chưa nộp theo quy định, cơ quan Hải quan sẽ sử dụng hai Thông báo số 137/TB-KĐ3 và 138/TB-KĐ3 ngày 23/03/2022 để thực hiện các thủ tục tiếp theo.

- Ngày 31/05/2022, Chi cục Kiểm định Hải quan 3 nhận được Công văn số 09-2022/VNTK ngày 30/05/2022 của Công ty TNHH T2 về việc nộp chậm kết quả giám định với lý do bất khả kháng “nhân viên phòng LAB có vấn đề về sức khỏe cá nhân”, đồng thời gửi kèm bản photo của các Chứng thư giám định về chủng loại số 22C02GHN00736-01 và 22C02GHN00736-02 ngày 30/5/2022 của Chi nhánh Công ty CP T4 (ngày yêu cầu giám định thể hiện trên Chứng thư là 19/5/2022).

- Ngày 01/06/2022, Chi cục Kiểm định Hải quan C3 nhận được bản gốc các Chứng thư giám định về chủng loại số 22C02GHN00736-01 và 22C02GHN00736-02 ngày 30/5/2022 của Chi nhánh Công ty cổ phần T4 vừa nêu.

3. Về công tác giải quyết khiếu nại

Do không đồng ý với 02 Thông báo kết quả nêu trên và công văn số 418/KĐ3-Đ2 của Chi cục Kiểm định Hải quan 3, Công ty đã có Đơn khiếu nại số 16-2022/KN-VNTK ngày 16/08/2022 gửi Chi cục Kiểm định Hải quan 3. Ngày 08/09/2022, Chi cục Kiểm định Hải quan 3 nhận được Đơn bổ sung số 23-2022/KN-VNTK ngày 06/09/2022 của Công ty bổ sung một số tài liệu, chứng cứ (theo hướng dẫn của Chi cục Kiểm định Hải quan 3 tại Công văn số 777/KĐ3-Đ2 ngày 25/08/2022 về việc thông báo đơn khiếu nại của Công ty chưa đủ điều kiện thụ lý giải quyết). Chi cục Kiểm định Hải quan 3 đã thụ lý giải quyết khiếu nại này theo Thông báo số 01/TB-KĐ3 ngày 12/9/2022.

Các công tác tiếp nhận, thụ lý, xác minh, ban hành, gửi, công khai Quyết định giải quyết khiếu nại đã được thực hiện theo đúng quy định tại Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13, Nghị định số 124/2020/NĐ-CP, Thông tư số 05/2021/TT-TTCP và các văn bản quy phạm khác có liên quan.

Trong đó, các lý do và đề nghị Công ty TNHH T2 nêu trong đơn khiếu nại đã được Chi cục Kiểm định Hải quan 3 xác minh, đánh giá như sau:

- Về yêu cầu đề nghị thu hồi, hủy bỏ công văn số 418/KĐ3-Đ2 ngày 23/05/2022 với căn cứ cho rằng việc Chi cục Kiểm định Hải quan 3 ban hành Công văn số 418/KĐ3-Đ2 là không khách quan, không công bằng:

+ Đối với lý do việc nộp chậm kết quả tái giám định là do yếu tố khách quan; việc tái giám định do cơ quan thứ 3 tiến hành chứ không phải do Công ty T6 thực hiện:

(i) Công ty là đơn vị đã chủ động lựa chọn cơ quan, tổ chức giám định để thực hiện việc giám định hàng hóa theo quy định của pháp luật do không nhất trí với kết luận kiểm tra của cơ quan Hải quan về tên hàng, mã số theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định 08/2015/NĐ-CP.

(ii) Lý do “nhân viên phòng LAB có vấn đề về sức khỏe cá nhân nên kết quả bị chậm so với kế hoạch là 30 ngày – lý do bất khả kháng từ phòng giám định” mà Công ty giải trình là không phù hợp và không có chứng cứ chứng minh.

(iii) Căn cứ Biên bản tách mẫu lưu và bàn giao mẫu số 10/KĐ3-NV, Chi cục Kiểm định Hải quan 3 đã tiến hành tách và bàn giao mẫu cho Công ty vào ngày 19/04/2022. Tuy nhiên, ngày yêu cầu giám định thể hiện trên Chứng thư là 19/5/2022, nghĩa là sau 30 ngày kể từ ngày tách và bàn giao mẫu, Công ty mới bắt đầu gửi giám định.

+ Đối với lý do mặt hàng vải không dệt của Công ty đã được gửi phân tích phân loại (năm 2018) và đã được T5 công nhận mã số 56031x. Chi cục Kiểm định Hải quan 3 áp dụng Thông báo về kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu số 137/TB-KĐ3 và số 138/TB-KĐ3 ngày 23/03/2022 cho lô hàng nhập khẩu lần này là không khách quan và sẽ dẫn đến thiệt hại về kinh tế cho Công ty: Qua kiểm tra tất cả các mẫu hàng do Công ty N đã gửi phân tích để phân loại, không có bất cứ mẫu hàng nào có thông tin hoàn toàn trùng khớp để xác định 02 mặt hàng tại 02 Thông báo kết quả đang bị khiếu nại đã được Công ty nhập khẩu và đã được công nhận mã số 56031x. Thông báo về kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu số 137/TB-KĐ3 và số 138/TB-KĐ3 ngày 23/03/2022 đã được ban hành đảm bảo tính chính xác trên mẫu gửi yêu cầu phân tích để phân loại, đúng quy định, đúng pháp luật như đã nêu.

+ Đối với lý do mặt hàng vải không dệt mã số 5603.1x được Chính phủ Việt Nam khuyến khích nhập khẩu để dùng vào sản xuất khẩu trang Y tế theo Quyết định số 155/QĐ-BTC ngày 07/02/2020 của Bộ T3: Quyết định số 155/QĐ-BTC ngày 07/02/2020 của Bộ trưởng Bộ T3 ban hành Danh mục các mặt hàng được miễn thuế nhập khẩu phục vụ phòng, chống dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của Virus C gây ra. Trong đó, mặt hàng “Vải không dệt để sản xuất khẩu trang y tế” và “Màng lọc kháng khuẩn để sản xuất khẩu trang y tế” thuộc nhóm 5603 (không phải chỉ phân nhóm 5603.1x) được miễn thuế nhập khẩu nếu đúng đối tượng của Quyết định này.

Về đề nghị xem xét công nhận kết quả tái giám định số 22C02GHN00736-01 và 22C02GHN00736-02 ngày 30/5/2022 của Chi nhánh Công ty CP T4 đối với lô hàng theo tờ khai hải quan số 104403139630/A11 ngày 08/12/2021 của Công ty: Như đã nêu ở phía trên, quy định về thời hạn gửi kết quả giám định, quy định sử dụng thông báo kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa đã ban hành để thực hiện các thủ tục tiếp theo trong trường hợp hết thời hạn quy định này mà người khai hải quan chưa nộp kết quả giám định đã được quy định rất chi tiết, rõ ràng tại khoản 19 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC. Công ty chỉ bắt đầu gửi giám định tại thời điểm hết hạn cung cấp kết quả giám định là không chủ động thực hiện đúng trách nhiệm đã được văn bản quy phạm pháp luật quy định, lý do bất khả kháng Công ty đưa ra không có cơ sở chấp nhận.

- Về tài liệu của nhà sản xuất do Công ty cung cấp: Tài liệu Manufacturing Processing cũng của nhà sản xuất (N1) đã mô tả rất rõ việc nhà sản xuất đã cắt ngắn filament rồi mới đưa vào thiết bị để sản xuất ra vải không dệt. Như vậy, thông tin chi tiết của nhà sản xuất do Công ty cung cấp bổ sung trong quá trình khiếu nại thống nhất với kết quả phân tích của Chi cục Kiểm định Hải quan 3 và kết quả giám định của Công ty cổ phần V2 (vải không dệt từ staple (là loại xơ cắt ngắn), không phải từ filament (là loại xơ liên tục)).

Nội dung khiếu nại cũng như các chứng cứ Công ty cung cấp kèm đơn khiếu nại cho thấy không phát sinh yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu, bằng chứng từ người có quyền, lợi ích liên quan cần làm việc hay cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan nào khác để phục vụ việc xác minh. Các lý do được Công ty thể hiện trong đơn khiếu nại đã được Chi cục Kiểm định Hải quan 3 xem xét và xử lý thấu đáo. Trên cơ sở các bước giải quyết khiếu nại lần đầu đã được thực hiện theo quy định hiện hành, Quyết định giải quyết khiếu nại số 02/QĐ-KĐ3 ngày 12/10/2022 đã được Chi cục trưởng Chi cục Kiểm định Hải quan 3 ban hành đúng quy định pháp luật, khách quan, minh bạch, đảm bảo làm căn cứ thu đúng, thu đủ thuế cho Nhà nước.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 380/2024/HC-ST ngày 19 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, quyết định:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Điều 32, Điều 116, Điều 193, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Căn cứ Luật Khiếu nại năm 2011; Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/6/2014; Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ; Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ T3; Căn cứ Thông tư 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ T3; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện Công ty TNHH T2 về việc hủy Quyết định số 16/QĐ-KĐHQ, ngày 19/01/2023 của Cục Trưởng Cục K và Quyết định số 02/QĐ-KĐ3 ngày 12/10/2022 của Chi Cục Trưởng C3.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, phần thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 26/8/2024, người khởi kiện là Công ty TNHH T2 (do bà Nguyễn Thị L là người đại diện theo pháp luật) kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận nội dung khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và có ý kiến trình bày bổ sung một số nội dung như sau:

Liên quan đến nội dung mà Cấp sơ thẩm căn cứ lý do công ty V1 nộp trễ kết quả tái giám định mà Công ty V1 nộp cho Chi cục Kiểm định hải quan C3. Tuy nhiên, vấn đề này là lý do khách quan bởi sau khi tách mẫu giám định vào ngày 19/04/2022. Đến ngày 25/04/2025 Công ty V1 có liên lạc với Công ty cổ phần G để yêu cầu giám định mẫu vải than hoạt tính màu đen và ông Nguyễn Văn H1 là đại diện Công ty cổ phần G làm việc với Công ty V1 đại diện là bà Trương Thụy Văn T làm việc thông qua tin nhắn điện tử về mẫu được giám định, cùng ngày 25/04/2022, bà Trương Thụy Văn T cầm mẫu trực tiếp giao đến văn phòng Công ty G và người nhận mẫu là Nguyễn Văn H1, có biên bản nhận mẫu đính kèm. Qua tin nhắn điện tử, ngày 06/05/2022 ông H1 có thông báo cho bà T là không làm được giám định cho mẫu than hoạt tính và mẫu được trả về cho Công ty V1 ngày 11/05/2022. Mặc khác, lý do nộp trễ kết quả tái giám định là khách quan và không phải là căn cứ để Tòa cấp sơ thẩm bác đơn khởi kiện. Những nội dung và chứng cứ này không được Tòa án cấp

sơ thẩm làm rõ khi giải quyết vụ án là chưa đảm bảo khách quan. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện có ý kiến cho rằng:

Chi cục Kiểm định Hải quan 3 ban hành Công văn số 400/KĐ3-Đ2 ngày 17/5/2022 và Công văn số 418/KĐ3 ngày 23/5/2022 về việc trả lời không có căn cứ chấp nhận việc đề nghị gia hạn thời gian nộp kết quả tái giám định và không chấp nhận lý do chậm nộp kết quả tái giám định của Công ty TNHH T2 là phù hợp khoản 19 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ T3. Từ đó, Chi cục Kiểm định Hải quan C3 ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 02/QĐ-KĐ3 ngày 12/10/2022 và Cục K đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 16/QĐ-KĐHQ ngày 19/01/2023 là đúng quy định pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện Công ty TNHH T2 về việc hủy Quyết định số 16/QĐ-KĐHQ, ngày 19/01/2023 của Cục Trưởng Cục K và Quyết định số 02/QĐ-KĐ3 ngày 12/10/2022 của Chi Cục Trưởng C3 là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Do đó, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện là Công ty TNHH T2 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; xét đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của Công ty TNHH T2 đúng về hình thức, nội dung và được nộp trong hạn luật định nên là kháng cáo hợp lệ.

[1.2] Căn cứ theo Quyết định số 382/QĐ-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Bộ T3 thì Cục kiểm định Hải quan chuyển thành Chi cục kiểm định Hải quan và Chi cục kiểm định Hải quan 3 trước đây chuyển thành Đội kiểm định Hải quan 3. Do đó Chi cục kiểm định Hải quan và Đội kiểm định Hải quan 3 là người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng hành chính theo quy định tại Điều 59 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự:

Người bị kiện Cục Trưởng Cục Kiểm định Hải quan (nay là Chi cục Trưởng Chi Kiểm định hải quan) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 158

Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[1.4] Về đối tượng, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính:

Quyết định số 02/QĐ-KĐ93 ngày 12/10/2022 của Chi cục trưởng Chi cục Kiểm định hải quan C3; Quyết định số 16/QĐ-KĐHQ ngày 19/01/2023 của Cục trưởng Cục Kiểm định hải quan là các quyết định hành chính nên là đối tượng khởi kiện. Ngày 08/02/2023, Công ty TNHH T2 khởi kiện vụ án hành chính là còn thời hiệu khởi kiện. Do đó Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại Khoản 1 Điều 30; Khoản 4 Điều 32 và Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu khởi kiện:

Công ty TNHH T2 khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 02/QĐ-KĐ93 ngày 12/10/2022 của Chi cục trưởng Chi cục Kiểm định hải quan C3; Quyết định số 16/QĐ-KĐHQ ngày 19/01/2023 của Cục trưởng Cục Kiểm định hải quan.

[2.2] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành:

Quyết định số 02/QĐ-KĐ3 ngày 12/10/2022 của Chi cục trưởng Chi cục Kiểm định Hải quan C3; Quyết định số 16/QĐ-KĐHQ ngày 19/01/2023 của Cục trưởng Cục Kiểm định Hải quan được ban hành là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 2556/QĐ-TCHQ ngày 15/8/2016; Điều 15 Quyết định số 2166/QĐ-TCHQ ngày 04/8/2021; Luật Khiếu nại năm 2011.

[3] Về nội dung của các quyết định, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[3.1] Đối với Quyết định số 02/QĐ-KĐ3 ngày 12/10/2022 của Chi cục trưởng Chi cục Kiểm định Hải quan 3:

Công ty TNHH T2 thực hiện thủ tục nhập khẩu 02 mặt hàng có tên khai báo là V không dệt từ filament nhân tạo, mã số khai báo 5603.12.00 (thuế suất 0%) theo Tờ khai hải quan số 104403139630/A11 ngày 08/12/2021 tại Chi cục Hải quan Cửa khẩu cảng C2 KV1 – Cục Hải quan Thành phố H.

Ngày 16/12/2021, Chi cục Kiểm định Hải quan 3 tiếp nhận Phiếu yêu cầu phân tích hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu kèm biên bản lấy mẫu số 179/KV1-ĐHHN và số 180//KV1-ĐHHN ngày 15/12/2021 của Chi cục Hải quan Cửa khẩu C2 Khu vực 1.

Ngày 23/3/2022, Chi cục Kiểm định Hải quan C3 ban hành:

Thông báo kết quả phân tích kèm mã số hàng hoá số 137/TB-KĐ3: *Sản phẩm không dệt có thành phần từ xơ staple polyester, đã ngâm tẩm cacbon (hàm lượng cacbon hoạt tính theo tài liệu kỹ thuật 36,8%), chưa tráng phủ hoặc ép lớp với vật liệu khác, trọng lượng 58,6g/m², khổ khoảng 17cm. Mã số phân loại: 5603.92.00 (thuế suất 5%).*

Và Thông báo kết quả phân tích kèm mã số hàng hoá số 138/TB-KĐ3: *Sản phẩm không dệt có thành phần từ xơ staple polyester, đã ngâm tẩm cacbon (hàm lượng cacbon hoạt tính theo tài liệu kỹ thuật 28,5%), chưa tráng phủ hoặc ép lớp với*

vật liệu khác, trọng lượng 38,36g/m², khổ khoảng 17cm. Mã số phân loại: 5603.92.00 (thuế suất 5%).

Công ty TNHH T2 không đồng ý với Thông báo kết quả phân tích kèm mã số hàng hoá số 137/TB-KĐ3 ngày 23/3/2022 và Thông báo kết quả phân tích kèm mã số hàng hoá số 138/TB-KĐ3 ngày 23/3/2022 của Chi cục Kiểm định Hải quan 3 nên yêu cầu thực hiện quyền tái Giám định theo quy định tại khoản 5 Điều 11 của Thông tư số 17/2021/TT-BTC ngày 26/02/2021 và Điều 30 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015.

Tại nội dung Biên bản tách mẫu lưu và bàn giao mẫu số 10/KD93-NV ngày 19/4/2022, cho thấy Chi cục Kiểm định Hải quan 3 đã thực hiện tách mẫu để Công ty TNHH T2 thực hiện giám định là đúng theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 2166/QĐ-TCHQ ngày 04/8/2021 và khoản 1 Điều 30 Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ: *“Trường hợp không nhất trí với kết luận kiểm tra của cơ quan Hải quan về tên hàng, mã số, xuất xứ, trọng lượng, chủng loại, chất lượng, trị giá hải quan thì người khai hải quan thực hiện khiếu nại hoặc được lựa chọn cơ quan, tổ chức giám định để thực hiện việc giám định hàng hóa theo quy định của pháp luật...”*.

Cũng theo nội dung Biên bản tách mẫu lưu và bàn giao mẫu số 10/KD93-NV ngày 19/4/2022 của Chi cục Kiểm định Hải quan C3, ghi nhận: *“Trong thời hạn 30 ngày tính từ ngày tách mẫu lưu mà Công ty không nộp kết quả tái giám định, cơ quan hải quan sử dụng Thông báo kết quả phân loại hoặc Thông báo kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa đã ban hành để thực hiện các thủ tục tiếp theo”*.

Như vậy, quy định về thời gian nộp kết quả tái giám định thể hiện là 30 ngày kể từ ngày tách mẫu (19/4/2022) là đúng quy định tại Điều 30 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ T3 được sửa đổi tại khoản 19 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018.

Tuy nhiên xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm Công ty TNHH T2 cung cấp chứng cứ mới đó là dữ liệu điện tử sao lưu tin nhắn thể hiện vào ngày 25/4/2022 Công ty T2 đã có yêu cầu Công ty Cổ phần G tại địa chỉ số D V, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh để yêu cầu giám định mẫu vải than hoạt tính màu đen. Tuy nhiên ngày 06/05/2022 Công ty G có thông báo không làm được giám định cho mẫu than hoạt tính và mẫu được trả về Công ty ngày 11/5/2022.

Hội đồng xét xử nhận thấy, chứng cứ mới mà Công ty V1 cung cấp phù hợp với xác nhận tại Công văn số 14/CV-WSC ngày 21/4/2025 của Công ty W. Đồng thời sau khi nhận lấy mẫu giám định từ Công ty W từ chối giám định thì Công ty V1 cũng đã có văn bản số 08-2022/VNTK ngày 16/5/2022 để xin gia hạn thời gian cung cấp kết quả giám định. Do đó đây được coi là trở ngại khách quan để được tính thời hạn 30 ngày tính từ ngày tách mẫu lưu, người khai hải quan phải gửi kết quả giám định cho cơ quan hải quan để được xem xét theo quy định tại mục b.2, điểm 2, khoản 19 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ trưởng Bộ T3 sửa đổi khoản 2 Điều 30 Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ T3 quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.

Vì vậy, tòa sơ thẩm không chấp nhận việc người khởi kiện nêu các lý do chậm nộp kết quả tái giám định là không phù hợp.

Công ty TNHH T2 yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 02/QĐ-KĐ3 ngày 12/10/2022 là có cơ sở.

[3.2.2] Đối với Quyết định số 16/QĐ-KĐHQ ngày 19/01/2023 của Cục trưởng Cục Kiểm định Hải quan:

Ngày 28/11/2022, Cục Kiểm định Hải quan đã gửi Thông báo thụ lý giải quyết khiếu nại lần hai số 718/TB-KĐHQ của Công ty TNHH T2.

Ngày 02/12/2022, Cục Kiểm định Hải quan ban hành Quyết định số 342/QĐ-KĐHQ về việc xác minh nội dung khiếu nại và thành lập tổ xác minh.

Quá trình xác minh, mặc dù Cục Kiểm định Hải quan không chấp nhận lý do Công ty V1 nộp trễ kết quả giám định, nhưng Cục Kiểm định Hải quan cũng đã thực hiện kiểm chứng lại kết quả phân tích cụ thể thẩm định lại tính chính xác của kết quả phân tích do Chi cục Kiểm định Hải quan 3 thực hiện. Kết quả giám định tại Công ty cổ phần V2 cũng giống với kết quả phân tích của Chi cục Kiểm định Hải quan C3.

Hội đồng xét xử nhận thấy, việc kiểm định lại tính chính xác của kết quả giám định là cơ sở để giải quyết khiếu nại lần 2 là sự cần trọng cần thiết của Cục Kiểm định Hải quan và được thực hiện theo quy định tại điểm d.2.2.1, Khoản 2 Điều 14 Quyết định 2166/QĐ-TCHQ ngày 04/8/2021 của Tổng cục trưởng T5 quy định về xử lý trường hợp người khai hải quan không đồng ý với Thông báo kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa xuất nhập khẩu, Thông báo về kết quả phân loại đối với hành hóa xuất nhập khẩu và đề nghị trưng cầu giám định.

Tuy nhiên Cục Kiểm định Hải quan lại gửi mẫu giám định tại Công ty cổ phần V2, trong khi cũng chính Công ty cổ phần V2 là đơn vị giám định lần đầu là không khách quan, không phù hợp với hướng dẫn tại điểm 1.1 Khoản 1 Điều 23 Quyết định số 2999/QĐ-TCHQ ngày 16/9/2017 của Tổng Cục trưởng T5 quy định về việc ban hành quy chế kiểm định, phân tích hành hóa xuất nhập khẩu hướng dẫn về đơn vị giám định lại. Theo đó:

“ Điều 23. Xử lý khiếu nại kết quả phân tích, kiểm định

1. Trường hợp người khai hải quan không đồng ý với kết quả phân tích tại Thông báo kết quả phân loại của T5 hoặc Thông báo kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa và đề nghị được tách mẫu lưu để gửi giám định thì:

1.1. Đơn vị kiểm định trao đổi trực tiếp hoặc bằng văn bản với người khai hải quan về kết quả phân tích. Nếu người khai hải quan vẫn không đồng ý thì đơn vị kiểm định tách một phần mẫu đang trong thời hạn lưu để người khai hải quan trưng cầu giám định theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 10 Thông tư 14/2015/TT-BTC, hướng dẫn người khai hải quan không gửi giám định tại đơn vị giám định mà cơ quan kiểm định đã gửi mẫu giám định. Việc tách mẫu lưu có sự chứng kiến của đại diện đơn vị kiểm định, người khai hải quan. Biên bản tách mẫu lưu theo mẫu số 12/BBTML/2017, lập thành 03 bản: người khai hải quan 1 bản, đơn vị kiểm định lưu 01 bản, 01 bản gửi đơn vị yêu cầu phân tích”.

Do đó Cục Kiểm định Hải quan ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 16/QĐ-KĐHQ ngày 19/01/2023 là không phù hợp.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện là Công ty TNHH T2 về việc hủy Quyết định số 16/QĐ-KĐHQ, ngày 19/01/2023 của Cục Trưởng Cục K và Quyết định số 02/QĐ-KĐ3 ngày 12/10/2022 của Chi Cục Trưởng C3.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[6] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí: Do sửa bản án sơ thẩm nên người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Người khởi kiện không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

[1] Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện Công ty TNHH T2.

Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 380/2024/HC-ST ngày 19 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Điều 32, Điều 116, Điều 193, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Luật Khiếu nại năm 2011;

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ T3;

Căn cứ Thông tư 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ T3;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện Công ty TNHH T2 về việc hủy Quyết định số 16/QĐ-KĐHQ, ngày 19/01/2023 của Cục Trưởng Cục K và Quyết định số 02/QĐ-KĐ3 ngày 12/10/2022 của Chi Cục Trưởng C3.

[2] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí:

Chi cục trưởng Chi cục Kiểm định Hải quan và Đội trưởng Đội Kiểm định Hải quan 3, phải chịu mỗi đương sự là 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Công ty TNHH T2 không phải nộp án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm.

Trả lại cho Công ty TNHH T2 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0031664 ngày 16/01/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh và 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0041274 ngày 17/9/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Dương sự (3);
- Lưu VP (6). HS (2). T16 (BA-36).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Long